TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST
Ngày: 17/8/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng Dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Đơn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Công ty điện lực A, thành phố C, tỉnh Phú Yên;** Địa chỉ: 104 Lê Lợi, phường 3, thành phố Hòa, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền: ông Dương Minh V – sinh năm 1962; Chức vụ: Kế toán trưởng, có mặt.

* *Các bị đơn:*

1. **Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Phú Yên**. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1976; Chức vụ: Trưởng Ban quản lý D, huyện B, có mặt.

2. **Ban quản lý D huyện B, tỉnh Phú Yên**. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1976; Chức vụ: Trưởng Ban, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Dương Minh V trình bày:

Trong các năm 1995, 1997 và 1998 Công ty điện lực A (tên cũ Điện lực A) đã

ký kết 05 hợp đồng thi công xây lắp công trình điện với Ban quản lý D huyện B (BQL) (tên cũ là Ban quản lý công trình xây dựng cơ bản huyện B). Công ty điện lực A đã thực hiện đúng các điều khoản đã ký trong hợp đồng, khẩn trương thi công công trình đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và đưa vào vận hành an toàn để phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong huyện. Cũng theo điều khoản đã ký trong hợp đồng, BQL phải thanh toán tiền đầy đủ và đúng thời gian cho Công ty điện lực A sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, cho đến nay, BQL chỉ mới thanh toán được một phần, vẫn còn nợ 539.317.795đ. Hàng năm BQL đều có biên bản đối chiếu công nợ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung, Công ty điện lực A yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B có trách nhiệm cùng BQL thanh toán khoản nợ 539.317.795đ vì Ủy ban nhân dân huyện B là đơn vị quản lý và là chủ tài khoản của BQL. Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện B và BQL phải thanh toán số nợ các Hợp đồng nói trên cho Công ty điện lực A. Điện lực A không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ nêu trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B và đại diện theo pháp luật BQL thống nhất trình bày: BQL thừa nhận có ký hợp đồng kinh tế để thực hiện các dự án xây lắp công trình điện với Công ty điện lực A vào giai đoạn năm 1995, 1997, 1998. Sau khi thực hiện xong công trình BQL đã thanh toán một phần hợp đồng. Tuy nhiên, toàn bộ hệ thống điện này hiện nay đã được bàn giao cho Công ty điện lực A quản lý, khai thác và sử dụng. Đồng thời, toàn bộ vốn thực hiện các dự án này thuộc Ngân sách huyện; Trách nhiệm trả nợ thuộc về Ủy ban nhân dân huyện B chứ không thuộc về BQL. Ủy ban nhân dân huyện B và BQL đề nghị Công ty điện lực A xóa nợ theo Công văn số 32/UBND ngày 13/01/2015. Tại thời điểm ký hợp đồng, giữa Ủy ban nhân dân huyện B và Ban quản lý các Công trình đầu tư và xây dựng cơ bản huyện Tuy An không có quyết định phê duyệt hoặc văn bản uỷ quyền; Tại thời điểm hiện nay, việc ký hợp đồng do Ủy ban nhân dân huyện B duyệt dự toán và quyết toán nhưng việc ký hợp đồng do BQL trực tiếp ký hợp đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Điều 521 và Điều 527 của Bộ luật dân sự 1995, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 539.317.795đ, buộc bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ nói trên

cho Công ty điện lực A. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Giữa Công ty điện lực A và BQL có tồn tại 05 hợp đồng dịch vụ thi công xây lắp công trình điện số 15 ngày 19/5/1997; số 470 ngày 02/8/1997; số 42 ngày 14/12/1995; số 110 ngày 19/6/1998; số 01 ngày 02/01/1997. Qua các lần đối chiếu công nợ, hiện tại BQL còn nợ Điện lực Phú Yên 539.317.795đ.

Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các hợp đồng kinh tế nêu trên, Công ty điện lực A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên làm dịch vụ. Nhưng bên thuê dịch vụ chưa thanh toán tiền dịch vụ theo hợp đồng là vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty điện lực A. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty điện lực A cho rằng trường hợp xóa nợ theo Công văn số 32/UBND ngày 13/01/2015 không thực hiện được vì BQL còn tồn tại nên không thuộc trường hợp xóa nợ. Khi bàn giao dịch vụ, Công ty điện lực A chỉ thu tiền đối với phần sử dụng điện của các hộ gia đình. Còn các công trình xây dựng là nguồn vốn từ việc vay sử dụng kinh doanh thu lợi nhuận chứ không thuộc nguồn vốn Nhà nước. Hiện nay Công ty điện lực A trực thuộc Công ty điện lực miền Trung, đây là Công ty TNHH một thành viên vốn 100% của Nhà nước. Mặc dù có thay đổi tên gọi nhưng quy chế làm việc không thay đổi.

Đối với yêu cầu xem xét xóa nợ của Ủy ban nhân dân huyện B và BQL, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Cũng tại các Hợp đồng kinh tế nêu trên, các bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền 539.317.795đ Hợp đồng dịch vụ của Công ty điện lực A. Đối với các công trình xây dựng các trạm biến áp các bên đã bàn giao và đưa vào sử dụng các dịch vụ điện. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa các bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc bàn giao các dịch vụ điện theo 05 hợp đồng cho Công ty điện lực A kinh doanh nên Hội đồng xét xử không có cơ sơ xem xét khấu hao tài sản sử dụng. Mặc khác, các bị đơn thừa nhận BQL là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện việc ký kết hợp đồng do BQL ký kết nhưng nguồn vốn do ngân sách huyện chi trả. Việc yêu cầu xóa nợ theo Công văn số 32/UBND ngày 13/01/2015 không có căn cứ vì BQL là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện B nên không thuộc trường hợp xóa nợ theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính.

Từ các chứng cứ nêu trên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty điện lực A, buộc bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B có nghĩa vụ thanh toán

số nợ hợp đồng dịch vụ điện cho Điện lực Phú Yên với số tiền **539.317.795đ**. ***(Năm trăm ba mươi chín triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng)***.

Về án phí: Nguyên đơn Công ty điện lực A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty điện lực A số tiền **13.500.000đ** ***(Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)*** theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003325 ngày 17/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Phú Yên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm như sau: 20.000.000đ + (139.317.975 x 4%) = **25.572.719đ** ***(Hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm mười chín đồng)***.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 521, 523 và 527 của Bộ luật dân sự 1995; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 ghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Tranh chấp hợp đồng dịch vụ của nguyên đơn Công ty điện lực A đối với bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B và BQL. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B có nghĩa vụ thanh toán số nợ hợp đồng dịch vụ điện cho Điện lực Phú Yên với số tiền **539.317.795đ**. ***(Năm trăm ba mươi chín triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng)***.

Về án phí: Nguyên đơn Công ty điện lực A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty điện lực A số tiền **13.500.000đ** ***(Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)*** theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003325 ngày 17/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Phú Yên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm **25.572.719đ** ***(Hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm mười chín đồng)***.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, các bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh (1)
- VKSND h. T (2)
- THADS h. T (1)
- Nguyên đơn, Bị đơn (3)
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

Lê Thị Xuân Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Xuân Hương

**** Nơi nhận:***

- Phòng GĐKT – TAND tỉnh (1)
- VKSND huyện Tuy An (2)
- Chi cục THA DS huyện Tuy An (1)
- Sơ Tư pháp (1)
- Nguyên đơn, Bị đơn (2)
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Phể